TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 9- 2021
V/v Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu
2. Bà Hoàng Thị Ngọc
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa**:** *Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.*

Ngày 28/9/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 129/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/7/2021 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
ĐKHK: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: 14/168 Đường N, Phường Q, Thanh Phố Nam Định.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.
Hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại Trại giam số 5 – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/07/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 08/4/2013 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 04 năm. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ bất chính với người khác, làm mất lòng tin ở chị, sau khi chị biết được sự việc có phân tích khuyên giải anh T, nhưng anh T không nghe còn chửi bới,

đánh chị, mặc dù chị đã bỏ qua nhiều nhưng anh T không thay đổi, còn ham chơi bài bạc nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy năm 2018 chị đã về mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên không quan tâm gì đến nhau. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Vũ Tuấn K, sinh ngày 11/01/2018. Hiện nay, các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/9/2021, anh Trần Văn T trình bầy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 18/4/2013 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khó khăn về kinh tế, dẫn đến vợ chồng xảy ra xích mích nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018. Vợ chồng thi thoảng chỉ liên lạc qua điện thoại, nhưng không gặp nhau. Sau đó đến năm 2020 anh bị bắt xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam số 5. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị L không còn, nhưng việc chị L muốn ly hôn thì chị L tự giải quyết, anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Vũ Tuấn K, sinh ngày 11/01/2018. Hiện nay, các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị L. Vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao 02 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Hiện vợ chồng đang có công nợ chung, nhưng do anh đang phải cháp hành án, nên không thể giải quyết công nợ được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án chưa giải quyết về công nợ của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa: Chị L, anh T xin vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Điều 228 Bộ luật TTDS. Nghị quyết

số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Về hôn nhân xử cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Trần Văn T. Về con chung giao cháu Trần Tuấn A và cháu Trần Vũ Tuấn K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị L phải nộp án phí theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị L, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị L xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị L và anh T sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị L xin ly hôn, về phía anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy việc anh T không đồng ý ly hôn là lấy lý do để cản trở chị L xin ly hôn, thực chất tình cảm vợ chồng đã hết. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Vũ Tuấn K, sinh ngày 11/01/2018. Nguyện vọng của chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Anh T cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. HĐXX xét thấy quan điểm của hai bên là thống nhất nên được

ghi nhận cho chị L trực tiếp nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị L và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Vũ Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung. Giao cháu cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Vũ Tuấn K, sinh ngày 18/01/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị L đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2019/0005511 ngày 06/7/2021. Chấp nhận L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị L và anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng